

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NÂNG CAO - KHÓA ITA.42A
MÔN: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG - MÃ MÔN: B3

Thời gian: 18h30 - Ngày 22/9/2018 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
1	Châu Trần Nữ Hoàng	Anh	07/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK1	2120866092	ITA.42A		7,5	Bảy năm	
2	Phạm Thị Ngọc	Bích	20/11/1997	Đắk Lắk	K21VLK1	2120863929	ITA.42A		8,0	Tám y	
3	Lê Thị Băng	Châu	05/06/1997	Huế Thiên H	K21VLK1	2120866679	ITA.42A		8,5	Tám năm	
4	Trần Thị	Châu	02/06/1996	Hà Tĩnh	K20YDD3	2020516811	ITA.42A		7,5	Bảy năm	
5	Nguyễn Thị Kim	Chi	05/08/1997	Quảng Nam	K21DLK4	2120716859	ITA.42A		4,5	Bốn năm	
6	Hồ Mạnh	Cường	02/12/1995	Quảng Nam	K19YDH16	1921524240	ITA.42A				Cấm thi
7	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	16/01/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2020525707	ITA.42A		8,0	Tám y	
8	Nguyễn Ngọc	Hiền	19/11/1996	Bình Định	K20PSUDLK5	2020345426	ITA.42A		8,5	Tám năm	
9	Lê Thị	Hiếu	20/12/1997	Quảng Ngãi	K21NAB4	2120313271	ITA.42A		6,5	Sáu năm	
10	Trần Trung	Huy	19/03/1996				ITA.42A				Cấm thi
11	Nguyễn Thị Hạ	Huyền	19/10/1995	Kon Tum	K20QTM1	2020210801	ITA.42A				Cấm thi
12	Nguyễn Đắc	Khánh	14/03/1996	Quảng Nam	K20VBC1	2021335210	ITA.42A				Cấm thi
13	Từ Thị	Ngân	25/06/1994	Quảng Ngãi	K20YDD3	2020514993	ITA.42A		2,5	Hai năm	
14	Huỳnh Thị Thảo	Nguyễn	08/03/1997	Quảng Nam	K21DLK8	2120719699	ITA.42A		6,0	Sáu y	
15	Nguyễn Trương	Nguyễn	28/12/1995	Gia Lai	K20YDD3	2021514640	ITA.42A				Cấm thi
16	Trần Ngọc	Nguyễn	09/10/1995	Đà Nẵng	K19CSUXDD	1921613417	ITA.42A				Cấm thi
17	Trần Thảo	Nguyễn	10/06/1996	Quảng Nam	K20NAB4	2020314825	ITA.42A				Cấm thi
18	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	12/11/1994	Huế	K20YDD3	2020513416	ITA.42A				K nộp đơn k dự thi
19	Nguyễn Phan Hoàng	Nhi	21/01/1996	Đà Nẵng	K20KMT	2020633644	ITA.42A		6,0	Sáu y	
20	Trần Nguyễn Bảo	Nhi	12/05/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713767	ITA.42A		6,5	Sáu năm	
21	Võ Thị Tuyết	Nhung	16/05/1997	Bình Định	K21VLK5	2120867804	ITA.42A		6,5	Sáu năm	
22	Hồ Tôn Nữ Diễm	Quỳnh	24/10/1996	uôn Ma Thu	K20PSUDLK1	2020717930	ITA.42A		7,0	Bảy y	
23	Đặng Thị	Sương	08/09/1996	Hà Tĩnh	K20YDD3	2020513392	ITA.42A				K nộp đơn k dự thi
24	Hồ Thị Bảo	Sương	03/03/1996	Đà Nẵng	K20KKT4	2020256359	ITA.42A				Cấm thi
25	Lê Nguyễn Dạ	Thảo	29/11/1995	Đà Nẵng	K20KKT4	2020254326	ITA.42A				Cấm thi
26	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09/03/1996	Quảng Nam	K20KKT4	2020267123	ITA.42A				Cấm thi
27	Phan Thị Ngọc	Thảo	11/05/1994	Đà Nẵng	K19YDH6	1920524624	ITA.42A		8,0	Tám y	
28	Nguyễn Thị Cẩm	Thiện	18/05/1996	Đà Nẵng	K21DLK8	2120715841	ITA.42A		6,0	Sáu y	

ST	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
									Số	Chữ	
29	Bùi Quang	Thịnh	16/04/1996	Quảng Nam	K20QTM1		ITA.42A				Cấm thi
30	Nguyễn Đức	Thịnh	26/05/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2021523316	ITA.42A	<i>Th</i>	8,0	Tám y	
31	Âu Thiên	Thư	15/09/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2021524985	ITA.42A	<i>Th</i>	7,5	Bảy năm	
32	Đỗ Anh	Thư	16/05/1997	Đà Nẵng	K21DLK4	2120717070	ITA.42A	<i>Th</i>	7,0	Bảy y	
33	Võ Quang	Tiến	17/10/1996	Bình Định	K20YDH1	2021523305	ITA.42A	<i>Tiến</i>	7,0	Bảy y	
34	Đỗ Việt Danh	Toại	21/01/1996	Quảng Nam	K20QTH1	2020624206	ITA.42A				Cấm thi
35	Phan Hoàng Thanh	Toàn	31/10/1996	Đà Nẵng	K20PSUDLK5	2021713744	ITA.42A	<i>Th</i>	7,5	Bảy năm	
36	Lê Thị Ngọc	Trâm	03/02/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713675	ITA.42A	<i>Th</i>	6,5	Sáu năm	
37	Kiều Thị Huyền	Trinh	21/12/1996	Đắk Lắk	K20YDH1	2020527258	ITA.42A	<i>Th</i>	7,0	Bảy y	
38	Trần Thị Kiều	Trinh	14/09/1996	Quảng Nam	K20NAB4	2020316642	ITA.42A				Cấm thi
39	Nguyễn Việt	Trọng	12/06/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2021520844	ITA.42A	<i>Th</i>	7,5	Bảy năm	
40	Châu Ngọc	Văn	23/05/1996	Quảng Nam	K20KMQ	2021647702	ITA.42A	<i>Th</i>	5,0	Năm y	
41	Nguyễn Duy	Văn	06/01/1995	Quảng Bình	K20YDH1	2021526913	ITA.42A	<i>Văn</i>	8,5	Tám năm	
42	Nguyễn Đan	Vy	29/10/1996	Quảng Nam	K20DLK1	2020716077	ITA.42A				Cấm thi
43	Phan Thị Thảo	Vy	22/07/1995	Đắk Lắk	K20YDH1	2020526253	ITA.42A	<i>Th</i>	7,0	Bảy y	
44	Đỗ Anh	Phong	20/11/1995	Bình Định	K19YDH7	1921528746	ITA.22B				Thi ghép
45	Ngô Thị Hồng	Phước	22/10/1995	Đà Nẵng	K20KKT3	2020254267	ITA.28B	<i>Th</i>	7,5	Bảy năm	Thi ghép
46											
47											
48											
49											
50											

Tổng số HV/Dự thi: 28.....

Vắng: 17...

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ CHUẨN KỸ NĂNG SỬ DỤNG CNTT NĂNG CAO - KHÓA ITA.42A
MÔN: KIẾN THỨC CHUNG - MÃ MÔN: B2

Thời gian: 17h45 - Ngày 22/9/2018 - Phòng máy 502/Tầng 5 - Tại 03 Quang Trung

Số TT	Họ Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
								Số	Chữ	
1	Châu Trần Nữ Hoàng Anh	07/06/1997	Quảng Ngãi	K21VLK1	2120866092	ITA.42A		6,5	Sáu rưỡi	
2	Phạm Thị Ngọc Bích	20/11/1997	Đắk Lắk	K21VLK1	2120863929	ITA.42A		6,8	Sáu tám	
3	Lê Thị Băng Châu	05/06/1997	hĩa Thiện H	K21VLK1	2120866679	ITA.42A		6,0	Sáu y	
4	Trần Thị Châu	02/06/1996	Hà Tĩnh	K20YDD3	2020516811	ITA.42A		5,0	Năm y	
5	Nguyễn Thị Kim Chi	05/08/1997	Quảng Nam	K21DLK4	2120716859	ITA.42A		5,3	Năm ba	
6	Hồ Mạnh Cường	02/12/1995	Quảng Nam	K19YDH16	1921524240	ITA.42A				Cấm thi
7	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	16/01/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2020525707	ITA.42A		5,0	Năm y	
8	Nguyễn Ngọc Hiền	19/11/1996	Bình Định	K20PSUDLK5	2020345426	ITA.42A		6,5	Sáu rưỡi	
9	Lê Thị Hiếu	20/12/1997	Quảng Ngãi	K21NAB4	2120313271	ITA.42A		7,0	Bảy y	
10	Trần Trung Huy	19/03/1996				ITA.42A				Cấm thi
11	Nguyễn Thị Hạ Huyền	19/10/1995	Kon Tum	K20QTM1	2020210801	ITA.42A				Cấm thi
12	Nguyễn Đắc Khánh	14/03/1996	Quảng Nam	K20VBC1	2021335210	ITA.42A				Cấm thi
13	Từ Thị Ngân	25/06/1994	Quảng Ngãi	K20YDD3	2020514993	ITA.42A		6,3	Sáu ba	
14	Huỳnh Thị Thảo Nguyên	08/03/1997	Quảng Nam	K21DLK8	2120719699	ITA.42A		6,0	Sáu y	
15	Nguyễn Trương Nguyên	28/12/1995	Gia Lai	K20YDD3	2021514640	ITA.42A				Cấm thi
16	Trần Ngọc Nguyên	09/10/1995	Đà Nẵng	K19CSUXDD	1921613417	ITA.42A				Cấm thi
17	Trần Thảo Nguyên	10/06/1996	Quảng Nam	K20NAB4	2020314825	ITA.42A				Cấm thi
18	Nguyễn Thị Thanh Nhân	12/11/1994	Huế	K20YDD3	2020513416	ITA.42A				K nộp đơn k đề dự thi
19	Nguyễn Phan Hoàng Nhi	21/01/1996	Đà Nẵng	K20KMT	2020633644	ITA.42A		5,3	Năm ba	
20	Trần Nguyễn Bảo Nhi	12/05/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713767	ITA.42A		6,5	Sáu rưỡi	
21	Võ Thị Tuyết Nhung	16/05/1997	Bình Định	K21VLK5	2120867804	ITA.42A		6,5	Sáu rưỡi	
22	Hồ Tôn Nữ Diễm Quyên	24/10/1996	uôn Ma Thu	K20PSUDLK1	2020717930	ITA.42A		5,8	Năm tám	
23	Đặng Thị Sương	08/09/1996	Hà Tĩnh	K20YDD3	2020513392	ITA.42A				K nộp đơn k đề dự thi
24	Hồ Thị Bảo Sương	03/03/1996	Đà Nẵng	K20KKT4	2020256359	ITA.42A				Cấm thi
25	Lê Nguyễn Dạ Thảo	29/11/1995	Đà Nẵng	K20KKT4	2020254326	ITA.42A				Cấm thi
26	Nguyễn Thị Thanh Thảo	09/03/1996	Quảng Nam	K20KKT4	2020267123	ITA.42A				Cấm thi
27	Phan Thị Ngọc Thảo	11/05/1994	Đà Nẵng	K19YDH6	1920524624	ITA.42A		5,0	Năm y	
28	Nguyễn Thị Cẩm Thiện	18/05/1996	Đà Nẵng	K21DLK8	2120715841	ITA.42A		7,5	Bảy rưỡi	

Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp DTU	MSSV	Lớp TT	Chữ ký	ĐIỂM		Ghi chú
								Số	Chữ	
Bùi Quang	Thịnh	16/04/1996	Quảng Nam	K20QTM1		ITA.42A				Cấm thi
Nguyễn Đức	Thịnh	26/05/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2021523316	ITA.42A	<i>Ước</i>	5,5	Năm rưỡi	
Âu Thiên	Thư	15/09/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2021524985	ITA.42A	<i>Ước</i>	7,0	Sau 1y	
Đỗ Anh	Thư	16/05/1997	Đà Nẵng	K21DLK4	2120717070	ITA.42A	<i>Ước</i>	5,8	Năm rưỡi	
3 Võ Quang	Tiến	17/10/1996	Bình Định	K20YDH1	2021523305	ITA.42A	<i>Ước</i>	5,8	Năm rưỡi	
4 Đỗ Việt Danh	Toại	21/01/1996	Quảng Nam	K20QTH1	2020624206	ITA.42A				Cấm thi
35 Phan Hoàng Thanh	Toàn	31/10/1996	Đà Nẵng	K20PSUDLK5	2021713744	ITA.42A	<i>Ước</i>	5,8	Năm rưỡi	
36 Lê Thị Ngọc	Trâm	03/02/1997	Đà Nẵng	K21DLK8	2120713675	ITA.42A	<i>Ước</i>	6,8	Sau 1 năm	
37 Kiều Thị Huyền	Trinh	21/12/1996	Đắk Lắk	K20YDH1	2020527258	ITA.42A	<i>Ước</i>	7,0	Sau 1y	
38 Trần Thị Kiều	Trinh	14/09/1996	Quảng Nam	K20NAB4	2020316642	ITA.42A				Cấm thi
39 Nguyễn Viết	Trọng	12/06/1996	Quảng Nam	K20YDH1	2021520844	ITA.42A	<i>Ước</i>	6,0	Sau 1y	
40 Châu Ngọc	Văn	23/05/1996	Quảng Nam	K20KMQ	2021647702	ITA.42A	<i>Ước</i>	6,0	Sau 1y	
41 Nguyễn Duy	Văn	06/01/1995	Quảng Bình	K20YDH1	2021526913	ITA.42A	<i>Văn</i>	5,3	Năm rưỡi	
42 Nguyễn Đan	Vy	29/10/1996	Quảng Nam	K20DLK1	2020716077	ITA.42A				Cấm thi
43 Phan Thị Thảo	Vy	22/07/1995	Đắk Lắk	K20YDH1	2020526253	ITA.42A	<i>Ước</i>	5,0	Năm rưỡi	
44 Đỗ Anh	Phong	20/11/1995	Bình Định	K19YDH7	1921528746	ITA.22B				<i>Văn</i> Thi ghép
45 Ngô Thị Hồng	Phước	22/10/1995	Đà Nẵng	K20KKT3	2020254267	ITA.28B	<i>Phước</i>	5,8	Năm rưỡi	Thi ghép
46										
47										
48										
49										
50										

Tổng số HV/Dự thi: *28*.....

Vắng: *13*.....